

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: 20/2026/QH16

LUẬT

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TÀN SỐ
VÔ TUYẾN ĐIỆN, LUẬT VIỄN THÔNG, LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ
VÀ LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15 và Luật số 84/2025/QH15; Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15, Luật số 112/2025/QH15 và Luật số 116/2025/QH15; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2024/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15; Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 17 Điều 3 như sau:

“17. *Kiểm tra tàn số vô tuyến điện* là việc xem xét thực tế tình hình sử dụng tàn số vô tuyến điện, thiết bị vô tuyến điện, giấy phép sử dụng tàn số vô tuyến điện, văn bản xác nhận năng lực khai thác thiết bị vô tuyến điện (sau đây gọi là chứng chỉ vô tuyến điện viên), đo tham số kỹ thuật của đài vô tuyến điện, xác định nguyên nhân gây nhiễu có hại để đánh giá, nhận xét việc chấp hành quy định của pháp luật về tàn số vô tuyến điện.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 5 như sau:

“h) Bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ vô tuyến điện; quản lý việc cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư;”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 18 như sau:

“d) Trường hợp đặc biệt, bằng tàn quy định tại khoản 2 Điều này được cấp cho doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh với thời hạn không quá 05 năm để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm lập đề án sử dụng bằng tàn để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; lấy ý kiến Bộ Khoa

học và Công nghệ, ý kiến Bộ Công an đối với đề án do Bộ Quốc phòng lập, ý kiến Bộ Quốc phòng đối với đề án do Bộ Công an lập để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án trước khi Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép.

Đề án phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh; an toàn, bảo vệ bí mật nhà nước; cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động viễn thông; xác định cụ thể nhiệm vụ quốc phòng, an ninh giao cho doanh nghiệp; xác định lượng tần số phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chiếm tỷ lệ cơ bản trên tổng lượng tần số đề nghị cấp giấy phép.

Chậm nhất là 09 tháng trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức đánh giá hiệu quả việc sử dụng băng tần đã được cấp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định dừng hoặc tiếp tục thực hiện đề án với thời hạn tiếp tục thực hiện đề án không quá 10 năm. Căn cứ quyết định về việc tiếp tục thực hiện đề án của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ gia hạn giấy phép.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau:

“2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này được cấp giấy phép trực tiếp phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Việc cấp lại giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 20a của Luật này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20a như sau:

“4. Điều kiện được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần bao gồm:

a) Có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng theo quy định của pháp luật về viễn thông;

b) Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật đối với băng tần, kênh tần số đã cấp trước đó được đề nghị cấp lại.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này được cấp giấy phép phải có kế hoạch phóng vệ tinh lên quỹ đạo đáp ứng yêu cầu về thời hạn đưa vệ tinh vào sử dụng theo quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 22 như sau:

“c) Thời hạn hiệu lực của giấy phép sử dụng băng tần được gia hạn không vượt quá thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng;”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 23 như sau:

“g) Khi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng tương ứng bị thu hồi;”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 24 như sau:

“a) Tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng phù hợp với băng tần, kênh tần số nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông và phải kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng;”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Chứng chỉ vô tuyến điện viên

1. Người khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc công nhận.

2. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định các nội dung liên quan đến việc cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, nghiệp vụ di động hàng không, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định các nội dung liên quan đến việc cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, nghiệp vụ di động hàng không trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các nội dung liên quan đến việc cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư.”.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 46 như sau:

“c) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cấp, công nhận, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, nghiệp vụ di động hàng không trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;”.

12. Thay thế, bỏ một số cụm từ tại các điều, khoản, điểm như sau:

a) Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5, Điều 6, khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 11a, khoản 3 và khoản 4 Điều 12, khoản 2 Điều 13, khoản 5 Điều 14, khoản 3 Điều 15, khoản 3a Điều 16, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 18, khoản 3 Điều 18a, khoản 3 và khoản 5 Điều 20a, điểm a, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 22, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2, điểm c và điểm e khoản 3 Điều 42, khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 43, khoản 1 và khoản 3 Điều 44, Điều 45 và khoản 2 Điều 46;

b) Bỏ cụm từ “sau khi thống nhất với Bộ Thông tin và Truyền thông” tại khoản 3 Điều 13 và khoản 4 Điều 15.

13. Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 18a, khoản 2 Điều 19, điểm a khoản 3 Điều 20 và điểm đ khoản 1 Điều 22.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Viễn thông

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Luật này được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

“Điều 37. Điều kiện về viễn thông khi tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

Doanh nghiệp được xác định đủ điều kiện về viễn thông để tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện khi đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 36 của Luật này và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 47 như sau:

“2. Việc chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông được thực hiện thông qua hợp đồng hoặc văn bản khác trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

Cơ chế, chính sách chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông để thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo từng thời kỳ được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Trường hợp chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu các bên không thỏa thuận được về giá chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông thì thực hiện hiệp thương giá theo quy định của pháp luật về giá.

Trường hợp các bên không thống nhất được đối với các nội dung khác về chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định trên cơ sở bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

4. Thay thế, bỏ một số cụm từ tại các khoản, điểm như sau:

a) Thay thế cụm từ “phương án kỹ thuật, phương án kinh doanh” bằng cụm từ “kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật” tại điểm d khoản 1 Điều 36;

b) Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại điểm c khoản 4 Điều 6, điểm d và điểm e khoản 2 Điều 13, khoản 3 Điều 16, khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 23, khoản 2 Điều 25, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 31, khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều 32, khoản 4 Điều 33, điểm a khoản 4 Điều 39, điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 40, khoản 4 Điều 45, khoản 3 Điều 46, khoản 2 Điều 49, điểm a khoản 3, điểm d khoản 4, điểm b khoản 5 và điểm c khoản 9 Điều 50, khoản 1 Điều 51, khoản 6 Điều 55, khoản 1, khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 59, khoản 1 Điều 67, khoản 2 và khoản 4 Điều 69 và khoản 6 Điều 70;

c) Bỏ cụm từ “, Bộ Kế hoạch và Đầu tư” tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 32;

d) Bỏ cụm từ “điều kiện hoạt động,” tại khoản 4 Điều 48.

5. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 36.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao dịch điện tử

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 28 như sau:

“4. Chính phủ quy định chi tiết hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy; quy trình, thủ tục, hồ sơ cấp, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy và các nội dung khác quy định tại Điều này.”.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 28, điểm d khoản 2 Điều 47, khoản 2 Điều 48, khoản 2 và khoản 3 Điều 50.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41 như sau:

“2. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng, ban hành chương trình để phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau:

“2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chương trình, đề án, chính sách về nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật.”.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Quy định tại khoản 3 Điều 1 và Điều 4 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp đề án sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15 và Luật số 84/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12) đã được trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 01 tháng 10 năm 2026 mà chưa được phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật này.
2. Trường hợp đề án sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 01 tháng 10 năm 2026 mà chưa được cấp giấy phép sử dụng băng tần thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm đề án được phê duyệt.
3. Trường hợp giấy phép sử dụng băng tần đã được cấp theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 trước ngày 01 tháng 10 năm 2026 thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy phép.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn